

BÁO CÁO

Giám sát chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách và nguồn tăng thu tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, giai đoạn 2016-2018

Thực hiện Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2019, Thường trực HĐND tỉnh xây dựng Kế hoạch giám sát số 72/KH-HĐND ngày 27/02/2019 về việc quản lý, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách và nguồn tăng thu tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, giai đoạn 2016-2018; Thường trực HĐND tỉnh đã nghiên cứu báo cáo giám sát, hồ sơ của các đơn vị và tổ chức giám sát trực tiếp tại một số huyện, thị xã, thành phố; kết quả giám sát báo cáo HĐND tỉnh như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Về công tác lập và giao dự toán ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2018

Công tác lập dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách của các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là các huyện) cơ bản thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2002, Luật Ngân sách năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương. Dự toán thu được lập có tính kế thừa, dự toán chi được thực hiện trên cơ sở nhiệm vụ chi cụ thể của từng đơn vị và phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm của huyện. Công tác điều hành, quản lý, sử dụng ngân sách có nhiều cố gắng; dự toán thu ngân sách nhà nước được HĐND các huyện giao cao hơn so với dự toán tỉnh giao.

Tuy nhiên, việc lập dự toán thu nội địa trên địa bàn hầu hết các huyện (không bao gồm tiền thu sử dụng đất) chưa có tính tích cực; chưa đảm bảo mức phân đầu tăng thu bình quân tối thiểu 12-15% so với thực hiện năm trước theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư quy định của Bộ Tài chính¹. Dự toán chi ngân sách của các huyện chưa phân bổ hết ngay từ đầu năm theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 326/2016/TT-BTC², nhiều huyện chưa

¹ Thông tư của bộ Tài chính: số 102/2015/TT-BTC ngày 30/6/2015 thì mức tối thiểu năm 2016 là 15%; số 91/2016/TT-BTC ngày 24/6/2016 thì năm 2017 đảm bảo tối thiểu 13-15%; số 71/2017/TT-BTC ngày 13/7/2017 thì năm 2018 đảm bảo mức tối thiểu là 12-14%.

² Các huyện: Hà Trung, Yên Định, Hoằng Hóa, Quảng Xương,...

lập, ban hành Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020³, một số huyện thực hiện bổ sung dự toán chi nhiều lần trong năm⁴; một số huyện sử dụng kinh phí sự nghiệp giáo dục để bố trí chi hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất⁵; phân bổ chi thường xuyên hoạt động giáo dục không đảm bảo mức tối thiểu 10% tổng chi sự nghiệp giáo dục theo Nghị quyết số 25/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh⁶; lập và giao dự toán chi một số nhiệm vụ ngoài định mức chi thường xuyên⁷. HĐND một số huyện quyết nghị ban hành một số chính sách chưa đúng thẩm quyền⁸; ban hành nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương chậm so với quy định của Luật Ngân sách nhà nước⁹.

(chi tiết số liệu có phụ lục 1, 2 kèm theo)

II. Tình hình quản lý, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách và nguồn tăng thu ngân sách cấp huyện hàng năm, giai đoạn 2016-2018

Công tác quản lý, sử dụng nguồn dự phòng và nguồn tăng thu ngân sách của các huyện cơ bản được thực hiện theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng nguồn dự phòng được thực hiện đảm bảo quy trình, đúng đối tượng, góp phần khắc phục kịp thời hậu quả, thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra và những nhiệm vụ đột xuất phát sinh trên địa bàn. Nguồn tăng thu được sử dụng cho các nhiệm vụ quan trọng của địa phương, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của các huyện. Tình hình cụ thể như sau:

1. Tình hình quản lý, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách

1.1. Kết quả đạt được

- Tổng nguồn vốn dự phòng ngân sách giai đoạn 2016 – 2018 tỉnh giao cho các địa phương là 586.170 triệu đồng; trong đó: năm 2016 là 185.587 triệu đồng; năm 2017 là 191.815 triệu đồng; năm 2018 là 208.768 triệu đồng.

- Theo số liệu báo cáo của các huyện, tổng nguồn vốn dự phòng ngân sách của các huyện trích lập là 651.583 triệu đồng, cao hơn tỉnh giao khoảng 11%; cụ thể:

+ Năm 2016 là 190.800 triệu đồng; trong đó: ngân sách cấp huyện 145.984 triệu đồng; ngân sách cấp xã là 44.816 triệu đồng. Số vốn dự phòng ngân sách đã

³ Huyện Yên Định, Hoàng Hóa, Hà Trung, Quảng Xương, Tp Sầm Sơn,...

⁴ Huyện Hoàng Hóa bổ sung dự toán chi thường xuyên 16 lần trong 3 năm 2016-2018 với tổng kinh phí bổ sung 4,6 tỷ đồng.

⁵ Huyện Hậu Lộc, huyện Thạch Thành.

⁶ Huyện Hà Trung 5,2%, Huyện Yên Định 7%.

⁷ Huyện Quảng Xương, Hoàng Hóa, Hà Trung.

⁸ Huyện Hà Trung ban hành chính sách phát triển kinh tế - xã hội GD 2016-2021; Huyện Yên Định ban hành chính sách phát triển doanh nghiệp, đề án xây dựng và phát triển rãnh thoát nước các tuyến đường xã, lò đốt rác thải.

⁹ - Các năm 2016, 2017, 2018, HĐND thành phố Sầm Sơn đều ban hành nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước, dự toán thu, chi ngân sách địa phương sau thời điểm 31 tháng 12 của năm trước.

- Năm 2016, huyện Yên Định ban hành nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước, dự toán thu, chi ngân sách địa phương sau thời điểm 31 tháng 12 của năm trước.

sử dụng trong năm là 140.128 triệu đồng – chiếm 73,4%; số vốn dự phòng ngân sách còn lại là 50.672 triệu đồng – chiếm 26,6%.

+ Năm 2017 là 222.237 triệu đồng; trong đó: ngân sách cấp huyện 167.639 triệu đồng; ngân sách cấp xã là 54.598 triệu đồng. Số vốn dự phòng ngân sách đã sử dụng trong năm là 168.133 triệu đồng – chiếm 75,6%; số vốn dự phòng ngân sách còn lại là 54.104 triệu đồng – chiếm 24,4%.

+ Năm 2018 là 238.546 triệu đồng; trong đó: ngân sách cấp huyện 181.834 triệu đồng; ngân sách cấp xã là 56.712 triệu đồng. Số vốn dự phòng ngân sách đã sử dụng trong năm là 181.496 triệu đồng – chiếm 76,1%; số vốn dự phòng ngân sách còn lại là 57.050 triệu đồng – chiếm 23,9%.

(Chi tiết có phụ lục 3 kèm theo)

Các huyện đã sử dụng dự phòng ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ, như: phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; hỗ trợ công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả sau lũ lụt; thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng an ninh; an sinh xã hội; một số nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách huyện, hỗ trợ ngân sách cấp dướigóp phần hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh đề ra từ đầu năm.

1.2. Tồn tại, hạn chế

- Việc trích lập nguồn dự phòng ngân sách hàng năm ở nhiều huyện chưa đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, chỉ đạt từ 1,01%-1,8% so với tổng chi ngân sách theo dự toán tỉnh giao (quy định là từ 2-4% tổng chi ngân sách của địa phương); một số huyện trích lập dự phòng ngân sách chưa đúng dự toán tỉnh giao¹⁰.

- Một số huyện còn sử dụng nguồn dự phòng chưa phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 10 của Luật Ngân sách, cụ thể là: sử dụng chi thường xuyên (thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất, chi hội nghị, chi thực hiện một số công việc trong nhiệm vụ an ninh trật tự ...), bồi thường giải phóng mặt bằng, chi thanh toán đầu tư XDCB cho các công trình sau quyết toán, hỗ trợ bù hụt thu cho ngân sách cấp xã để đảm bảo dự toán chi thường xuyên¹¹ ... (đây là những nội dung có trong dự toán đầu năm nhưng lại chi từ nguồn dự phòng).

- Việc sử dụng nguồn dự phòng ngân sách của các huyện, thị xã, thành

¹⁰ - Các đơn vị bằng dự toán tỉnh giao: Huyện Bá Thước, Như Thanh, Đông Sơn, Nông Công, Tĩnh Gia, Hậu Lộc, Nga Sơn, Bim Sơn.

- Các đơn vị cao hơn dự toán tỉnh giao: Huyện Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hóa, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Như Xuân, Thường Xuân, Thạch Thành, Cẩm Thủy, Triệu Sơn, Vĩnh Lộc, Yên Định, Thiệu Hóa, Hoằng Hóa...

- Các đơn vị thấp hơn dự toán tỉnh giao: TP Thanh Hóa, Huyện Quảng Xương.

¹¹ Huyện Hà Trung, Hậu Lộc, Nông Công, Thạch Thành, Như Thanh sử dụng nguồn dự phòng để chi thường xuyên; huyện Thường Xuân sử dụng nguồn dự phòng để chi trả nợ XDCB; TP Sầm Sơn sử dụng nguồn dự phòng để chi các hội thi, thực hiện công tác phục vụ an ninh trật tự,...

phổ cơ bản đều báo cáo Thường trực HĐND huyện. Tuy nhiên, một số huyện khi báo cáo Thường trực HĐND tỉnh thì vẫn bản lại chưa rõ ràng về nội dung chi, nguồn vốn; ý kiến của Thường trực HĐND huyện phê chuẩn trực tiếp vào tờ trình của UBND huyện là chưa đúng thẩm quyền và thể thức văn bản. Hầu hết các huyện đều chưa báo cáo HĐND tỉnh việc sử dụng nguồn dự phòng theo đúng quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 10 của Luật Ngân sách.

2. Tình hình quản lý, sử dụng nguồn tăng thu ngân sách cấp huyện

2.1. Kết quả đạt được

- Theo báo cáo của các huyện, tổng nguồn tăng thu ngân sách giai đoạn 2016-2018 của các huyện là 3.193.405 triệu đồng (trong đó: tăng thu không kể tăng thu tiền sử dụng đất là 854.155 triệu đồng – chiếm 26,7% tổng nguồn tăng thu; tăng thu từ tiền sử dụng đất là 2.339.250 triệu đồng – chiếm 73,3% tổng nguồn tăng thu); cụ thể như sau:

+ Năm 2016, tăng thu ngân sách là 813.516 triệu đồng (tăng thu không kể tăng thu tiền sử dụng đất là 193.525 triệu đồng – chiếm 23,8%; tăng thu từ tiền sử dụng đất là 619.991 triệu đồng – chiếm 76,2%)

+ Năm 2017, tăng thu ngân sách là 1.406.184 triệu đồng (tăng thu không kể tăng thu tiền sử dụng đất là 291.247 triệu đồng – chiếm 27,8%; tăng thu từ tiền sử dụng đất là 754.937 triệu đồng – chiếm 72,2%).

+ Năm 2018, tăng thu ngân sách là 1.333.705 triệu đồng (tăng thu không kể tăng thu tiền sử dụng đất là 369.383 triệu đồng – chiếm 27,7%; tăng thu từ tiền sử dụng đất là 964.322 triệu đồng – chiếm 72,3%).

- Các huyện thực hiện trích 50% nguồn tăng thu ngân sách hằng năm (không kể tăng thu từ tiền sử dụng đất) để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định là 356.045 triệu đồng (*năm 2016 là 136.694 triệu đồng, năm 2017 là 130.462 triệu đồng, năm 2018 là 90.889 triệu đồng*); chi cho đầu tư là 1.058.166 triệu đồng (*năm 2016 là 252.964 triệu đồng, năm 2017 là 433.181 triệu đồng, năm 2018 là 372.021 triệu đồng*); chi thường xuyên là 210.605 triệu đồng, chiếm 6,6% tổng nguồn tăng thu ngân sách (đảm bảo xã hội, hỗ trợ cho các xã, một số nhiệm vụ chi phát sinh ...).

(chi tiết có phụ lục số 04 kèm theo)

Công tác quản lý, sử dụng nguồn tăng thu ngân sách của các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2016-2018 cơ bản đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tăng thu ngân sách và sử dụng nguồn tăng thu có hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của địa phương. Một số huyện có mức tăng thu ngân sách cao¹².

¹² - Hậu Lộc: Tổng số tăng thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 là 670.989 triệu đồng (trong đó: năm 2016 là 243.153 triệu đồng; năm 2017 là 272.371 triệu đồng; năm 2018 là 155.465 triệu đồng).

2.2. Tồn tại, hạn chế

- Nguồn tăng thu ngân sách các huyện chưa bền vững, chủ yếu tăng thu từ tiền sử dụng đất (bình quân 3 năm 2016-2018 chiếm khoảng 73,3% tổng nguồn tăng thu); tăng thu từ các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác chiếm tỷ trọng thấp (chỉ chiếm khoảng 26,7%) và ở một số huyện thì nguồn thu này có xu hướng ngày càng giảm¹³, điều đó phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các thành phần kinh tế kém hiệu quả, hoặc quản lý thuế, phí của cơ quan thuế có nhiều hạn chế; hoặc cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đến phát triển nguồn thu có tính chất thường xuyên.

- Công tác thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư (hoặc Báo cáo Kinh tế kỹ thuật) các dự án sử dụng nguồn tăng thu ở một số huyện còn chưa phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, cụ thể như: chưa có báo cáo thẩm định vốn và nguồn vốn của phòng chức năng thuộc UBND huyện¹⁴ hoặc nếu có báo cáo thẩm định thì chưa nêu rõ thời

- Đông Sơn: Tổng số tăng thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 là **463.606** triệu đồng (trong đó: năm 2016 là 107.644 triệu đồng; năm 2017 là 145.274 triệu đồng; năm 2018 là 210.688 triệu đồng).

- Quảng Xương: Tổng số tăng thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 là **280.200** triệu đồng (trong đó: năm 2016 là 102.700 triệu đồng; năm 2017 là 102.700 triệu đồng; năm 2018 là 74.800 triệu đồng).

- TP Thanh Hóa: Tổng số tăng thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 là **276.142** triệu đồng (trong đó: năm 2016 và năm 2017 không có; năm 2018 là 276.142 triệu đồng).

- Hoàng Hóa: Tổng số tăng thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 là **229.276** triệu đồng (trong đó: năm 2016 là 55.627 triệu đồng; năm 2017 là 76.836 triệu đồng; năm 2018 là 96.813 triệu đồng).

- Triệu Sơn: Tổng số tăng thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 là **171.035** triệu đồng (trong đó: năm 2016 là 29.589 triệu đồng; năm 2017 là 68.647 triệu đồng; năm 2018 là 72.799 triệu đồng).

- Thọ Xuân: Tổng số tăng thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 là **163.294** triệu đồng (trong đó: năm 2016 là 62.114 triệu đồng; năm 2017 là 32.945 triệu đồng; năm 2018 là 68.235 triệu đồng).

- Yên Định: Tổng số tăng thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 là **138.230** triệu đồng (trong đó: năm 2016 là 4.872 triệu đồng; năm 2017 là 88.573 triệu đồng; năm 2018 là 44.786 triệu đồng).

- Như Thanh: Tổng số tăng thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 là **122.646** triệu đồng (trong đó: năm 2016 là 21.936 triệu đồng; năm 2017 là 401.610 triệu đồng; năm 2018 là 60.100 triệu đồng).

¹³ - Mường Lát: năm 2016 thu 8.004 tr.đồng; năm 2017: 2.296 tr.đồng; năm 2018: 1.179 tr.đồng.

- Nga Sơn: năm 2016:21.000 tr.đồng, năm 2017:17.300 tr.đồng, năm 2018: 16.500 tr.đồng.

- Quan Sơn: năm 2016: 2.321 triệu đồng; năm 2017 và 2018 không có.

- Ngọc Lặc: năm 2016: 175 triệu đồng; năm 2017: 175 triệu đồng; năm 2018 không có.

- Thọ Xuân: năm 2016: 3.675 triệu đồng; năm 2017: 2.785 tr.đồng; năm 2018: 2.513 tr.đồng.

- Hoàng Hóa: năm 2016: 23.959 triệu đồng; năm 2017 không có; năm 2018: 5.599 triệu đồng.

- Hậu Lộc: năm 2016: 5.405 triệu đồng; năm 2017: 4.291 triệu đồng; năm 2018: 832 tr.đồng.

- Bim Sơn: năm 2016: 10.118 triệu đồng; năm 2017: 4.943 tr.đồng; năm 2018: 3.331 tr.đồng.

- Như Xuân: năm 2016 thu 2.083 triệu đồng; năm 2017 không có; năm 2018 thu 1.810 triệu đồng.

¹⁴ Qua kiểm tra 7 hồ sơ dự án của huyện Hoàng Hóa đều chưa có cáo báo thẩm định vốn và nguồn vốn (đường Hoàng Đạo – Hoàng Thanh, đường Hoàng Tiến - Hoàng Thanh – Hoàng phụ, đường vào cụm công nghiệp phía nam, đường Hoàng Vinh – Hoàng Lưu – Hoàng Đạo, xây dựng trung tâm thể thao huyện,...),...

gian bố trí vốn theo tiến độ của dự án; nguồn vốn trong dự án được duyệt chưa cụ thể, đều ghi là vốn ngân sách nhà nước và huy động hợp pháp khác.

- Việc bố trí vốn tăng thu ngân sách cho các dự án đầu tư chưa có danh mục trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 hoặc do Kế hoạch trung hạn chưa được phê duyệt còn phổ biến ở các huyện; có huyện bố trí vốn tăng thu ngân sách cho các dự án khởi công mới còn dàn trải, gây nợ đọng xây dựng cơ bản, mức vốn bố trí bằng hoặc vượt tổng mức đầu tư trong khi dự án chưa được quyết toán¹⁵.

- Nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của các huyện, thị xã, thành phố là rất lớn; tuy nhiên, hàng năm vẫn phải chuyển nguồn và nhiệm vụ chi sang năm sau, cụ thể:

+ Năm 2016 chuyển nguồn sang năm sau 358.486 triệu đồng (chiếm 44%).

+ Năm 2017 chuyển nguồn sang năm sau 414.988 triệu đồng (chiếm 40%).

+ Năm 2018 chuyển nguồn sang năm sau 793.115 triệu đồng (chiếm 59%).

- Một số huyện sử dụng nguồn tăng thu ngân sách để chi thực hiện một số nhiệm vụ không đúng quy định tại Khoản 2, Điều 59, Luật Ngân sách nhà nước; cụ thể như: chi hoạt động thường xuyên (chi mua sắm, sửa chữa tài sản, quản lý hành chính, ...), chi hỗ trợ cho các đơn vị ngoài nhiệm vụ chi dự toán ngân sách địa phương; sử dụng nguồn cải cách tiền lương không đúng mục đích và chưa trích lập nguồn cải cách tiền lương¹⁶.

- Một số huyện lập dự toán thu, chi ngân sách địa phương không sát thực tế, chưa có tính phân đầu cao và chưa phù hợp với tăng trưởng kinh tế của huyện trong giai đoạn này, nên bị động trong việc sử dụng nguồn tăng thu ngân sách.

- Việc quản lý, sử dụng nguồn tăng thu ngân sách ở một số huyện thực hiện chưa đảm bảo quy định và chưa báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại Khoản 2, Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước. Thường trực HĐND một số huyện chưa thực hiện hết trách nhiệm và thẩm quyền; trình tự thủ

¹⁵ Huyện Hoàng Hóa: Danh mục dự án bố trí vốn từ nguồn tăng thu ngân sách giai đoạn 2016 – 2018 có đến 92 dự án bố trí từ nguồn tăng thu với nhu cầu vốn còn thiếu là tương đối lớn (84.813 triệu đồng); có 14/92 dự án bố trí vốn bằng hoặc vượt tổng mức đầu tư trước khi quyết toán hoàn thành dự án.

¹⁶ - Thường Xuân: sử dụng nguồn tăng thu để tăng chi thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên (1.896 triệu đồng), bổ sung nhiệm vụ phát sinh cho các đơn vị (3.738 triệu đồng).

- Hà Trung sử dụng nguồn tăng thu để hỗ trợ cho đơn vị ngoài dự toán, sử dụng nguồn cải cách tiền lương không đúng mục đích; huyện Hoàng Hóa chưa trích lập 50% tăng thu tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 (Kết luận Kiểm toán đã nêu).

- Các huyện Như Thanh, Đông Sơn, Nga Sơn: Sử dụng nguồn tăng thu để thực hiện chi thường xuyên có tính chất chi hành chính; chi cho các đơn vị ngoài dự toán nhưng không rõ nhiệm vụ chi.

tục quyết định sử dụng nguồn tăng thu ngân sách của huyện còn chưa đúng cả về thể thức và nội dung quyết định¹⁷.

Phần thứ hai

NHỮNG KIẾN NGHỊ

1. Đối với UBND tỉnh

- Chỉ đạo UBND các huyện lập, giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương hàng năm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, sát, đúng với tình hình thực tế của địa phương; thực hiện giao hết dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị trước 31 tháng 12 năm trước; hạn chế tình trạng trong năm bổ sung dự toán chi ngân sách nhiều lần.

- Chỉ đạo Sở Tài chính xây dựng, thẩm tra và phân giao dự toán chi nguồn dự phòng ngân sách hàng năm ở các huyện đảm bảo tỷ lệ trích lập theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn các huyện xây dựng và ban hành Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 ngay từ đầu kỳ, theo quy định của Luật Đầu tư công, chỉ thị của Thủ tướng Chính Phủ và hướng dẫn của Bộ ngành Trung ương.

- Chỉ đạo các ngành, UBND các huyện chấn chỉnh, rút kinh nghiệm và khắc phục những hạn chế, yếu kém trong lập, giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương hàng năm và quản lý, sử dụng nguồn dự phòng, nguồn tăng thu ngân sách đã nêu trong báo cáo giám sát và các Kết luận của Kiểm toán Nhà nước để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo quy định của pháp luật, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

2. Đối với các huyện

2.1. Đối với Thường trực HĐND các huyện

- Thường trực HĐND, các Ban HĐND các huyện tăng cường giám sát việc quản lý, sử dụng ngân sách trên địa bàn; việc thực hiện các kết luận của

¹⁷ Các huyện thực hiện chưa đảm bảo về quy trình, thủ tục và thể thức:

- Hoàng Hóa, Nga Sơn: Việc sử dụng tăng thu của UBND huyện chưa báo cáo Thường trực HĐND huyện để xem xét quyết định.

- Thường Xuân: Văn bản về chủ trương sử dụng nguồn ngân sách huyện để hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị tổ chức đại hội không nêu rõ nguồn kinh phí thực hiện; Thường trực HĐND huyện đã phê chuẩn ý kiến thống nhất đề nghị của UBND huyện vào ngay trong tờ trình của UBND huyện; UBND huyện chủ động phân bổ chi tiết vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư một số dự án đầu tư xây dựng nhưng chưa báo cáo HĐND hoặc Thường trực HĐND huyện.

- TP Sầm Sơn: UBND, thường trực HĐND thị xã Sầm Sơn thống nhất và ký trực tiếp vào tờ trình của Phòng Tài chính – Kế hoạch về sử dụng nguồn tăng thu ngân sách

Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra chuyên ngành về quản lý, điều hành ngân sách của địa phương.

- Yêu cầu UBND các huyện thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục trong việc quản lý, sử dụng nguồn dự phòng và tăng thu ngân sách hàng năm.

- Chỉ đạo UBND các huyện xây dựng, trình HĐND huyện phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 của địa phương theo đúng quy định, đảm bảo đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.2. Đối với UBND các huyện

Yêu cầu UBND các huyện chấn chỉnh, rút kinh nghiệm và khắc phục những hạn chế, yếu kém trong lập, giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương hàng năm và quản lý, sử dụng nguồn dự phòng, nguồn tăng thu ngân sách; trong đó, tập trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp sau:

- Tổ chức lập, giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương hàng năm theo đúng quy định, xây dựng dự toán sát, đúng với tình hình thực tế của địa phương; thực hiện giao hết dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị trước 31 tháng 12 năm trước; hạn chế bổ sung dự toán chi ngân sách nhiều lần trong năm; chỉ thực hiện hỗ trợ chi từ ngân sách cho các đơn vị ngân sách cấp trên khi phát sinh thêm các nhiệm vụ theo yêu cầu.

- Rà soát các nguồn thu, các sắc thuế, đặc biệt là thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ cá thể, xây dựng cơ bản, kinh doanh, dịch vụ, vận tải ... để tăng cường việc thu đúng, thu đủ các nguồn thu trên địa bàn. Có giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh để nuôi dưỡng các nguồn thu hiệu quả và bền vững.

- Xây dựng, trình HĐND huyện phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 của địa phương ngay từ đầu kỳ, đảm bảo đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và ưu tiên bố trí vốn để giải quyết nợ đọng xây dựng cơ bản. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư, phân bổ vốn đầu tư và quản lý xây dựng cơ bản; hạn chế việc chuyển nguồn và nhiệm vụ chi sang năm sau.

- Thực hiện việc trích lập nguồn dự phòng ngân sách, nguồn cải cách tiền lương đảm bảo theo quy định, không sử dụng nguồn cải cách tiền lương để đưa vào cân đối ngân sách thực hiện nhiệm vụ khác. Quản lý sử dụng nguồn dự phòng và nguồn tăng thu ngân sách đảm bảo đúng đối tượng, trình tự thủ tục theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

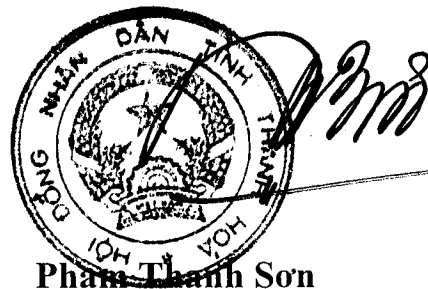
- Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm và quan tâm nâng cao chất lượng công tác lập báo cáo phục vụ giám sát của Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh, cũng như các cơ quan giám sát¹⁸.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát về việc quản lý, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách và nguồn tăng thu tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, giai đoạn 2016-2018, Thường trực HĐND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các huyện, thị xã, thành phố;
- Các thành viên đoàn giám sát;
- Lưu VT.

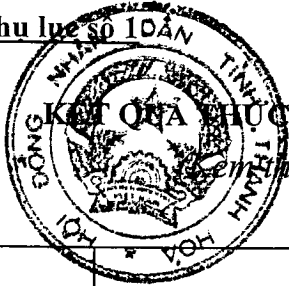
TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Phạm Thanh Sơn

¹⁸ Nội dung báo cáo của một số huyện còn sơ sài, chưa đầy đủ các nội dung theo yêu cầu trong đề cương báo cáo giám sát, số liệu trong báo cáo chưa thống nhất; một số huyện Thường trực HĐND tỉnh đã yêu cầu báo cáo lại nhiều lần nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu.

Phụ lục số 10/AN



KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA 27 HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2016 - 2018

theo báo cáo số 507/BC-HĐND ngày 04/12/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm thực hiện	Kết quả thu ngân sách của 27 huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2016-2020											
		Tổng	Trong đó:										
			Thu tiền SDD	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác	Thu kết dư, chuyển nguồn	Thu cấp dưới nộp lên	Thu đóng góp xây dựng CSHT	Thu học phí và các khoản ghi thu, ghi chi ngân sách	Ghi thu	Thu hoàn trả	Thu tại xã	Thu bổ sung từ NS cấp trên	Thu khác NS
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG	74.205.883	12.679.111	11.045.763	1.339.597	12.398	56.884	38.797	198.316	1.774	633.817	48.192.543	6.883
1	Năm 2016	21.066.278	3.176.347	3.369.584	313.558	4.154	22.948	12.026	66.542	17	200.642	13.899.999	461
2	Năm 2017	24.462.473	3.878.158	3.513.701	454.180	4.867	16.525	18.720	47.390	1.199	206.854	16.317.337	3.542
3	Năm 2018	28.677.132	5.624.606	4.162.478	571.859	3.377	17.411	8.051	84.384	558	226.321	17.975.207	2.880

Ghi chú: Số liệu tổng hợp theo báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố

Phụ lục số 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CỦA 27 HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2016 - 2018

(Kèm theo báo cáo số 507/BC-HĐND ngày 04/12/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm thực hiện	Kết quả chi ngân sách địa phương của 27 huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2016-2020								
		Tổng	Trong đó:							
			Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi cho vay theo NS	Chuyển nguồn	Chi nộp NS cấp trên (Chi hoàn trả)	Chi bổ sung NS cấp dưới	Chi quản lý qua KBNN	Ghi chi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG	65.514.975	16.144.737	42.197.000	1.700	2.191.303	129.477	4.604.571	10.500	235.687
1	Năm 2016	19.017.382	4.053.518	13.007.059	400	613.958	32.026	1.228.824	10.500	71.097
2	Năm 2017	21.670.595	5.272.873	14.033.906	600	671.976	50.854	1.585.437	0	54.949
3	Năm 2018	24.826.998	6.818.346	15.156.035	700	905.369	46.597	1.790.310	0	109.641

Ghi chú: Số liệu tổng hợp theo báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố

Phu lục số 3:

TỔNG HỢP DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo báo cáo số 507/BC-HĐND ngày 04/12/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐV: triệu đồng

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Dự phòng NSNN các huyện giai đoạn 2016-2018										Ghi chú
		Tổng gđ 2016-2018	Trong đó:									
			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			
			Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		
NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện		NS cấp xã	NS cấp huyện		NS cấp xã					
1	2	3=4+7+10	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14
	TỔNG	651.583	190.800	145.984	44.816	222.237	167.639	54.598	238.546	181.834	56.712	
	Số đã sử dụng	489.757	140.128	110.581	29.547	168.133	129.758	38.375	181.496	145.086	36.410	
	Số còn lại	161.826	50.672	35.403	15.269	54.104	37.881	16.223	57.050	36.748	20.302	
	<i>Trong đó:</i>											
1	Mường Lát	18.505	6.792	5.781	1.011	6.838	6.025	813	4.875	4.134	741	
	Số đã sử dụng	7.215	1.157	871	286	1.495	1.335	160	4.563	4.091	472	
	Số còn lại	11.290	5.635	4.910	725	5.343	4.690	653	312	43	269	
2	Quan Sơn	15.914	4.771	3.796	975	5.177	3.687	1.490	5.966	3.998	1.968	
	Số đã sử dụng	13.581	4.321	3.796	525	4.379	3.687	692	4.881	3.998	883	
	Số còn lại	2.333	450	0	450	798	0	798	1.085	0	1.085	
3	Quan Hóa	19.243	5.837	4.434	1.403	6.637	4.587	2.050	6.769	4.820	1.949	
	Số đã sử dụng	16.563	4.386	3.983	403	5.536	4.385	1.151	6.641	4.791	1.850	
	Số còn lại	2.680	1.451	451	1.000	1.101	202	899	128	29	99	
4	Bá Thước	25.459	8.416	6.767	1.649	8.153	6.469	1.684	8.890	7.030	1.860	
	Số đã sử dụng	24.935	8.332	6.767	1.565	8.083	6.469	1.614	8.520	6.730	1.790	
	Số còn lại	524	84	0	84	70	0	70	370	300	70	
5	Lạng Chánh	17.377	4.746	3.984	762	5.509	4.161	1.348	7.122	5.801	1.321	
	Số đã sử dụng	12.350	3.745	3.303	442	3.318	2.261	1.057	5.287	4.255	1.032	
	Số còn lại	5.027	1.001	681	320	2.191	1.900	291	1.835	1.546	289	
6	Ngọc Lặc	32.822	10.077	7.008	3.069	10.610	6.627	3.983	12.135	8.119	4.016	
	Số đã sử dụng	24.342	7.800	7.000	800	8.277	6.555	1.722	8.265	7.498	767	
	Số còn lại	8.480	2.277	8	2.269	2.333	72	2.261	3.870	621	3.249	



TT	Huyện, thị xã, thành phố	Dự phòng NSNN các huyện giai đoạn 2016-2018									Ghi chú	
		Tổng gđ 2016-2018	Trong đó:									
			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			
			Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		
NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện		NS cấp xã	NS cấp huyện		NS cấp xã					
1	2	3=4+7+10	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14
7	Như Xuân	19.412	6.056	4.988	1.068	6.862	5.573	1.289	6.494	5.397	1.097	
	Số đã sử dụng	18.490	5.134	4.398	736	6.862	5.573	1.289	6.494	5.397	1.097	
	Số còn lại	922	922	590	332	0	0	0	0	0	0	
8	Như Thanh	20.311	6.129	5.332	797	6.776	5.896	880	7.406	6.526	880	
	Số đã sử dụng	5.514	2.317	1.994	323	2.482	2.010	472	715	245	470	
	Số còn lại	14.797	3.812	3.338	474	4.294	3.886	408	6.691	6.281	410	
9	Thường Xuân	30.354	8.972	7.400	1.572	9.284	7.334	1.950	12.098	9.497	2.601	
	Số đã sử dụng	20.554	6.794	6.165	629	6.203	5.361	842	7.557	6.903	654	
	Số còn lại	9.800	2.178	1.235	943	3.081	1.973	1.108	4.541	2.594	1.947	
10	Thạch Thành	28.795	10.144	8.655	1.489	9.296	7.458	1.838	9.355	7.364	1.991	
	Số đã sử dụng	28.314	9.918	8.485	1.433	9.179	7.458	1.721	9.217	7.364	1.853	
	Số còn lại	481	226	170	56	117	0	117	138	0	138	
11	Cẩm Thủy	24.106	5.917	4.145	1.772	8.678	6.403	2.275	9.511	7.170	2.341	
	Số đã sử dụng	19.896	3.648	2.501	1.147	7.290	5.640	1.650	8.958	6.617	2.341	
	Số còn lại	4.210	2.269	1.644	625	1.388	763	625	553	553	0	
12	Thọ Xuân	32.899	10.159	7.619	2.540	11.500	8.938	2.562	11.240	8.969	2.271	
	Số đã sử dụng	25.176	6.181	4.514	1.667	10.527	8.349	2.178	8.468	6.530	1.938	
	Số còn lại	7.723	3.978	3.105	873	973	589	384	2.772	2.439	333	
13	Triệu Sơn	34.841	11.337	6.876	4.461	12.169	7.712	4.457	11.335	7.022	4.313	
	Số đã sử dụng	26.354	7.988	5.197	2.791	10.474	7.292	3.182	7.892	5.141	2.751	
	Số còn lại	8.487	3.349	1.679	1.670	1.695	420	1.275	3.443	1.881	1.562	
14	Vĩnh Lộc	15.976	4.609	3.295	1.314	5.892	4.143	1.749	5.475	4.051	1.424	
	Số đã sử dụng	15.093	3.726	2.858	868	5.892	4.143	1.749	5.475	4.051	1.424	
	Số còn lại	883	883	437	446	0	0	0	0	0	0	
15	Yên Định	29.165	7.188	5.407	1.781	11.264	8.478	2.786	10.713	7.263	3.450	
	Số đã sử dụng	18.817	2.872	1.924	948	8.075	6.787	1.288	7.870	7.263	607	
	Số còn lại	10.348	4.316	3.483	833	3.189	1.691	1.498	2.843	0	2.843	

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Dự phòng NSNN các huyện giai đoạn 2016-2018										Ghi chú
		Tổng gđ 2016-2018	Trong đó:									
			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			
			Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		
NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện		NS cấp xã	NS cấp huyện		NS cấp xã					
1	2	3=4+7+10	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14
16	Thiệu Hóa	23.097	8.092	5.771	2.321	6.855	4.887	1.968	8.150	5.174	2.976	
	Số đã sử dụng	20.730	7.400	5.079	2.321	5.442	4.481	961	7.888	4.912	2.976	
	Số còn lại	2.367	692	692	0	1.413	406	1.007	262	262	0	
17	Đông Sơn	12.155	4.304	2.867	1.437	3.751	2.626	1.125	4.100	2.975	1.125	
	Số đã sử dụng	5.129	2.944	2.867	77	1.336	1.101	235	849	802	47	
	Số còn lại	7.026	1.360	0	1.360	2.415	1.525	890	3.251	2.173	1.078	
18	Quảng Xương	17.852	5.641	5.641		5.726	5.726		6.485	6.485		
	Số đã sử dụng	8.566	1.986	1.986		1.609	1.609		4.971	4.971		
	Số còn lại	9.286	3.655	3.655		4.117	4.117		1.514	1.514		
19	Nông Cống	23.321	7.687	5.381	2.306	7.469	5.163	2.306	8.165	5.650	2.515	
	Số đã sử dụng	23.321	7.687	5.381	2.306	7.469	5.163	2.306	8.165	5.650	2.515	
	Số còn lại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
20	Tĩnh Gia	33.265	10.101	8.412	1.689	11.514	9.128	2.386	11.650	9.264	2.386	
	Số đã sử dụng	33.265	10.101	8.412	1.689	11.514	9.128	2.386	11.650	9.264	2.386	
	Số còn lại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
21	TP Sầm Sơn	16.337	4.414	3.474	940	5.948	4.185	1.763	5.975	4.658	1.317	
	Số đã sử dụng	15.240	3.868	3.474	394	5.798	4.185	1.613	5.574	4.658	916	
	Số còn lại	1.097	546	0	546	150	0	150	401	0	401	
22	Hoàng Hóa	31.243	10.045	7.605	2.440	10.194	6.921	3.273	11.004	6.762	4.242	
	Số đã sử dụng	14.319	4.026	1.928	2.098	5.752	3.626	2.126	4.541	2.054	2.487	
	Số còn lại	16.924	6.019	5.677	342	4.442	3.295	1.147	6.463	4.708	1.755	
23	Hậu Lộc	23.250	7.090	5.119	1.971	7.720	6.269	1.451	8.440	6.929	1.511	
	Số đã sử dụng	21.182	7.090	5.119	1.971	7.720	6.269	1.451	6.372	4.861	1.511	
	Số còn lại	2.068	0	0	0	0	0	0	2.068	2.068	0	
24	Nga Sơn	21.801	6.559	4.934	1.625	7.282	5.657	1.625	7.960	6.335	1.625	
	Số đã sử dụng	14.038	4.341	3.843	498	4.240	3.338	902	5.457	5.279	178	
	Số còn lại	7.763	2.218	1.091	1.127	3.042	2.319	723	2.503	1.056	1.447	

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Dự phòng NSNN các huyện giai đoạn 2016-2018										Ghi chú
		Tổng gđ 2016-2018	Trong đó:									
			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			
			Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		
NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện		NS cấp xã	NS cấp huyện		NS cấp xã					
1	2	3=4+7+10	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14
25	Bỉm Sơn	10.854	3.627	2.461	1.166	3.499	2.556	943	3.728	2.815	913	
	Số đã sử dụng	8.981	2.944	2.416	528	3.012	2.556	456	3.025	2.815	210	
	Số còn lại	1.873	683	45	638	487	0	487	703	0	703	
26	Hà Trung	24.370	6.045	4.416	1.629	7.336	5.653	1.683	10.989	9.248	1.741	
	Số đã sử dụng	18.043	4.711	3.160	1.551	2.912	1.229	1.683	10.420	8.681	1.739	
	Số còn lại	6.327	1.334	1.256	78	4.424	4.424	0	569	567	2	
27	TP Th.Hóa	48.859	6.045	4.416	1.629	20.298	15.377	4.921	22.516	18.378	4.138	
	Số đã sử dụng	29.749	4.711	3.160	1.551	13.257	9.768	3.489	11.781	10.265	1.516	
	Số còn lại	19.110	1.334	1.256	78	7.041	5.609	1.432	10.735	8.113	2.622	

Ghi chú: Số liệu tổng hợp theo báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố

Phu lục số 4:



TỔNG HỢP TĂNG THU NGÂN SÁCH CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo báo cáo số 507/BC-HĐND ngày 04/12/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tăng thu NSNN các huyện giai đoạn 2016-2018				Ghi chú
		Tổng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG	3.193.405	813.516	1.046.184	1.333.705	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	854.155	193.525	291.247	369.383	
	Tăng thu từ TSDĐ	2.339.250	619.991	754.937	964.322	
*	Sử dụng tăng thu:	1.626.816	455.030	631.196	540.590	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	358.045	136.694	130.462	90.889	
	<i>SD để chi ĐT</i>	1.058.166	252.964	433.181	372.021	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	210.605	65.372	67.553	77.680	
*	Kết dư chuyển nguồn	1.566.589	358.486	414.988	793.115	
	<i>Trong đó:</i>					
1	Mường Lát	13.109	8.481	3.076	1.552	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	11.479	8.004	2.296	1.179	
	Tăng thu từ TSDĐ	477	477	0	0	
*	Sử dụng tăng thu:	9.363	6.530	1.661	1.172	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	3.107	1.104	1.151	852	
	<i>SD để chi ĐT</i>	5.597	5.411	143	43	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	659	15	367	277	
*	Kết dư chuyển nguồn	3.746	1.951	1.415	380	
2	Quan Sơn	2.751	2.751	0	0	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	2.321	2.321	0	0	
	Tăng thu từ TSDĐ	430	430	0	0	
*	Sử dụng tăng thu:	2.751	2.751			
	<i>Sử dụng CCTL</i>	0	0			
	<i>SD để chi ĐT</i>	894	894			
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	1.857	1.857			
*	Kết dư chuyển nguồn	0	0	0	0	
3	Quan Hóa	40.606	0	20.606	20.000	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	40.606	0	20.606	20.000	
	Tăng thu từ TSDĐ	0	0	0	0	
*	Sử dụng tăng thu:	20.550	0	20.550	0	

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tăng thu NSNN các huyện giai đoạn 2016-2018				Ghi chú
		Tổng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	
1	2	3	4	5	6	7
	<i>Sử dụng CCTL</i>	10.303	0	10.303	0	
	<i>SD để chi ĐT</i>	5.702		5.702		
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	4.545		4.545		
*	Kết dư chuyển nguồn	20.056	0	56	20.000	
4	Bá Thước	42.079	4.725	10.489	26.865	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	28.526	2.727	5.720	20.079	
	Tăng thu từ TSDĐ	13.553	1.998	4.769	6.786	
*	Sử dụng tăng thu:	32.627	2.742	6.549	23.336	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	13.186	1.055	2.629	9.502	
	<i>SD để chi ĐT</i>	14.608	821	2.448	11.339	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	4.833	866	1.472	2.495	
*	Kết dư chuyển nguồn	9.452	1.983	3.940	3.529	
5	Lang Chánh	74.100	16.805	14.645	42.650	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	45.492	14.372	13.156	17.964	
	Tăng thu từ TSDĐ	28.608	2.433	1.489	24.686	
*	Sử dụng tăng thu:	10.142	3.239	1.543	5.360	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	5.067	1.523	743	2.801	
	<i>SD để chi ĐT</i>	1.051	501	550	0	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	4.024	1.215	250	2.559	
*	Kết dư chuyển nguồn	63.958	13.566	13.102	37.290	
6	Ngọc Lặc	350	175	175	0	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	350	175	175		
	Tăng thu từ TSDĐ	0	0	0	0	
*	Sử dụng tăng thu:	171	0	171	0	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	81	0	81	0	
	<i>SD để chi ĐT</i>	90		90		
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	0	0		0	
*	Kết dư chuyển nguồn	179	175	4	0	
7	Như Xuân	3.893	2.083	0	1.810	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	3.893	2.083	0	1.810	
	Tăng thu từ TSDĐ	0	0	0	0	
*	Sử dụng tăng thu:	3.893	2.083	0	1.810	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	1.948	1.043	0	905	

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tăng thu NSNN các huyện giai đoạn 2016-2018				Ghi chú
		Tổng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	
1	2	3	4	5	6	7
	<i>SD để chi ĐT</i>	0				
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	1.945	1.040		905	
*	Kết dư chuyển nguồn	0	0	0	0	
8	Như Thanh	122.646	21.936	40.610	60.100	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	56.200	14.008	14.445	27.747	
	Tăng thu từ TSDĐ	66.446	7.928	26.165	32.353	
*	Sử dụng tăng thu:	94.568	19.042	34.598	40.928	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	21.955	6.714	5.836	9.405	
	<i>SD để chi ĐT</i>	63.003	11.144	25.245	26.614	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	9.610	1.184	3.517	4.909	
*	Kết dư chuyển nguồn	28.078	2.894	6.012	19.172	
9	Thường Xuân	51.228	7.543	21.028	22.657	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	24.941	0	4.891	20.050	
	Tăng thu từ TSDĐ	26.287	7.543	16.137	2.607	
*	Sử dụng tăng thu:	5.948	1.062	0	4.886	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	3.331	531		2.800	
	<i>SD để chi ĐT</i>	0				
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	2.617	531		2.086	
*	Kết dư chuyển nguồn	45.280	6.481	21.028	17.771	
10	Thạch Thành	37.370	2.895	23.827	10.648	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	37.370	2.895	23.827	10.648	
	Tăng thu từ TSDĐ	0	0	0	0	
*	Sử dụng tăng thu:	37.370	2.895	23.827	10.648	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	4.511	0	756	3.755	
	<i>SD để chi ĐT</i>	32.548	2.689	22.966	6.893	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	311	206	105	0	
*	Kết dư chuyển nguồn	0	0	0	0	
11	Cẩm Thủy	74.259	43.060	28.265	2.934	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	9.296	5.694	668	2.934	
	Tăng thu từ TSDĐ	64.963	37.366	27.597	0	
*	Sử dụng tăng thu:	73.757	43.060	28.265	2.432	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	4.228	2.796	0	1.432	
	<i>SD để chi ĐT</i>	69.053	40.264	27.789	1.000	

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tăng thu NSNN các huyện giai đoạn 2016-2018				Ghi chú
		Tổng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	
1	2	3	4	5	6	7
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	476	0	476	0	
*	Kết dư chuyển nguồn	502	0	0	502	
12	Thọ Xuân	163.294	62.114	32.945	68.235	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDD	8.973	3.675	2.785	2.513	
	Tăng thu từ TSDD	154.321	58.439	30.160	65.722	
*	Sử dụng tăng thu:	158.794	59.351	32.020	67.423	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	3.234	2.224	526	484	
	<i>SD để chi ĐT</i>	148.714	56.127	29.361	63.226	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	6.846	1.000	2.133	3.713	
*	Kết dư chuyển nguồn	4.500	2.763	925	812	
13	Triệu Sơn	171.035	29.589	68.647	72.799	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDD	29.895	7.756	13.638	8.501	
	Tăng thu từ TSDD	141.140	21.833	55.009	64.298	
*	Sử dụng tăng thu:	168.051	29.586	67.656	70.809	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	14.948	3.878	6.819	4.251	
	<i>SD để chi ĐT</i>	141.796	20.689	56.809	64.298	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	11.307	5.019	4.028	2.260	
*	Kết dư chuyển nguồn	2.984	3	991	1.990	
14	Vĩnh Lộc	74.623	11.443	14.334	48.846	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDD	63.202	7.497	12.704	43.001	
	Tăng thu từ TSDD	11.421	3.946	1.630	5.845	
*	Sử dụng tăng thu:	74.623	11.443	14.334	48.846	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	5.461	1.256	1.283	2.922	
	<i>SD để chi ĐT</i>	65.373	8.603	12.908	43.862	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	3.789	1.584	143	2.062	
*	Kết dư chuyển nguồn	0	0	0	0	
15	Yên Định	138.230	4.872	88.573	44.785	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDD	138.230	4.872	88.573	44.785	
	Tăng thu từ TSDD					
*	Sử dụng tăng thu:	66.426	4.216	57.788	4.422	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	6.134	2.193	3.941	0	
	<i>SD để chi ĐT</i>	50.096	865	47.005	2.226	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	10.196	1.158	6.842	2.196	

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tăng thu NSNN các huyện giai đoạn 2016-2018				Ghi chú
		Tổng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	
1	2	3	4	5	6	7
*	Kết dư chuyển nguồn	71.804	656	30.785	40.363	
16	Thịệu Hóa	19.807	214	6.961	12.632	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	19.807	214	6.961	12.632	
	Tăng thu từ TSDĐ	0	0	0	0	
*	Sử dụng tăng thu:	13.490	107	7.067	6.316	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	<i>10.010</i>	<i>107</i>	<i>3.587</i>	<i>6.316</i>	
	<i>SD để chi ĐT</i>	<i>0</i>				
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	<i>3.480</i>	<i>0</i>	<i>3.480</i>	<i>0</i>	
*	Kết dư chuyển nguồn	9.903	107	3.480	6.316	
17	Đông Sơn	463.606	107.644	145.274	210.688	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	6.661	1.062		5.599	
	Tăng thu từ TSDĐ	456.945	106.582	145.274	205.089	
*	Sử dụng tăng thu:	5.948	1.062	0	4.886	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	<i>3.331</i>	<i>531</i>		<i>2.800</i>	
	<i>SD để chi ĐT</i>	<i>0</i>				
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	<i>2.617</i>	<i>531</i>		<i>2.086</i>	
*	Kết dư chuyển nguồn	457.658	106.582	145.274	205.802	
18	Quảng Xương	280.200	102.700	102.700	74.800	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	18.200	1.100	1.800	15.300	
	Tăng thu từ TSDĐ	262.000	101.600	100.900	59.500	
*	Sử dụng tăng thu:	102.700	51.350	51.350	0	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	<i>102.700</i>	<i>51.350</i>	<i>51.350</i>	<i>0</i>	
	<i>SD để chi ĐT</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
*	Kết dư chuyển nguồn	177.500	51.350	51.350	74.800	
19	Nông Cống	52.933	5.420	7.444	40.069	
	Tăng thu không kể tăng thu TSDĐ	52.933	5.420	7.444	40.069	
	Tăng thu từ TSDĐ	0	0	0	0	
*	Sử dụng tăng thu:	52.933	5.420	7.444	40.069	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	<i>10.106</i>	<i>2.710</i>	<i>3.723</i>	<i>3.673</i>	
	<i>SD để chi ĐT</i>	<i>36.174</i>	<i>950</i>	<i>2.500</i>	<i>32.724</i>	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	<i>6.653</i>	<i>1.760</i>	<i>1.221</i>	<i>3.672</i>	
*	Kết dư chuyển nguồn	0	0	0	0	

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tăng thu NSNN các huyện giai đoạn 2016-2018				Ghi chú
		Tổng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	
1	2	3	4	5	6	7
20	Tỉnh Gia	48.979	38.924	10.055	0	
	Tăng thu không kê tăng thu TSDĐ	48.979	38.924	10.055	0	
	Tăng thu từ TSDĐ					
*	Sử dụng tăng thu:	46.401	36.943	9.458	0	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	<i>29.046</i>	<i>24.018</i>	<i>5.028</i>	<i>0</i>	
	<i>SD để chi ĐT</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	<i>17.355</i>	<i>12.925</i>	<i>4.430</i>	<i>0</i>	
*	Kết dư chuyển nguồn	2.578	1.981	597	0	
21	TP Sầm Sơn	79.581	26.647	36.281	16.653	
	Tăng thu không kê tăng thu TSDĐ	79.581	26.647	36.281	16.653	
	Tăng thu từ TSDĐ	0	0	0	0	
*	Sử dụng tăng thu:	62.807	18.902	31.956	11.949	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	<i>39.791</i>	<i>13.323</i>	<i>18.141</i>	<i>8.327</i>	
	<i>SD để chi ĐT</i>	<i>1.906</i>	<i>0</i>	<i>1.906</i>	<i>0</i>	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	<i>21.110</i>	<i>5.579</i>	<i>11.909</i>	<i>3.622</i>	
*	Kết dư chuyển nguồn	16.774	7.745	4.325	4.704	
22	Hoàng Hóa	229.276	55.627	76.836	96.813	
	Tăng thu không kê tăng thu TSDĐ	29.558	23.959		5.599	
	Tăng thu từ TSDĐ	199.718	31.668	76.836	91.214	
*	Sử dụng tăng thu:	171.109	15.909	69.591	85.609	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	<i>19.793</i>	<i>11.980</i>	<i>2.893</i>	<i>4.920</i>	
	<i>SD để chi ĐT</i>	<i>146.535</i>	<i>1.050</i>	<i>66.698</i>	<i>78.787</i>	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	<i>4.781</i>	<i>2.879</i>	<i>0</i>	<i>1.902</i>	
*	Kết dư chuyển nguồn	58.167	39.718	7.245	11.204	
23	Hậu Lộc	670.989	243.153	272.371	155.465	
	Tăng thu không kê tăng thu TSDĐ	10.528	5.405	4.291	832	
	Tăng thu từ TSDĐ	660.461	237.748	268.080	154.633	
*	Sử dụng tăng thu:	330.566	125.400	149.848	55.318	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	<i>2.206</i>	<i>1.000</i>	<i>1.206</i>	<i>0</i>	
	<i>SD để chi ĐT</i>	<i>268.225</i>	<i>100.986</i>	<i>129.961</i>	<i>37.278</i>	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	<i>60.135</i>	<i>23.414</i>	<i>18.681</i>	<i>18.040</i>	
*	Kết dư chuyển nguồn	340.423	117.753	122.523	100.147	
24	Nga Sơn	9.816	0	0	9.816	

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tăng thu NSNN các huyện giai đoạn 2016-2018				Ghi chú
		Tổng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	
1	2	3	4	5	6	7
	Tăng thu không kê tăng thu TSDĐ	9.816			9.816	
	Tăng thu từ TSDĐ	0	0	0	0	
*	Sử dụng tăng thu:	9.341			9.341	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	4.908			4.908	
	<i>SD để chi ĐT</i>	0			0	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	4.433			4.433	
*	Kết dư chuyển nguồn	475			475	
25	Bỉm Sơn	18.392	10.118	4.943	3.331	
	Tăng thu không kê tăng thu TSDĐ	18.392	10.118	4.943	3.331	
	Tăng thu từ TSDĐ	0	0	0	0	
*	Sử dụng tăng thu:	12.267	7.029	3.572	1.666	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	9.197	5.059	2.472	1.666	
	<i>SD để chi ĐT</i>	3.070	1.970	1.100	0	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	1.482	421	1.061		
*	Kết dư chuyển nguồn	6.125	3.089	1.371	1.665	
26	Hà Trung	34.111	4.597	16.099	13.415	
	Tăng thu không kê tăng thu TSDĐ	28.788	4.597	15.988	8.203	
	Tăng thu từ TSDĐ	5.323	0	111	5.212	
*	Sử dụng tăng thu:	28.600	4.487	10.887	13.226	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	14.394	2.299	7.994	4.101	
	<i>SD để chi ĐT</i>	3.731	0	0	3.731	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	10.475	2.188	2.893	5.394	
*	Kết dư chuyển nguồn	5.511	110	5.212	189	
27	TP Thanh Hóa	276.142	0	0	276.142	
	Tăng thu không kê tăng thu TSDĐ	30.138	0	0	30.138	
	Tăng thu từ TSDĐ	246.004	0	0	246.004	
*	Sử dụng tăng thu:	30.138	0	0	30.138	
	<i>Sử dụng CCTL</i>	15.069	0	0	15.069	
	<i>SD để chi ĐT</i>	0	0	0	0	
	<i>SD để chi thường xuyên</i>	15.069	0	0	15.069	
*	Kết dư chuyển nguồn	246.004	0	0	246.004	

Ghi chú: Số liệu tổng hợp theo báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố